

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Số: 1784/QĐ-ĐHL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1124/QĐ-TTg ngày 23/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường đại học thành viên của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN);

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo Thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trường phòng Khảo thí & ĐBCLGD Trường ĐH Luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 05 chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ định hướng ứng dụng của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN bao gồm:

1. CTĐT chuyên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính;
2. CTĐT chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự;

3. CTĐT chuyên ngành Luật hình sự và tổ tụng hình sự;
4. CTĐT chuyên ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật;
5. CTĐT chuyên ngành Luật kinh tế;

Nội dung các chương trình đào tạo sau điều chỉnh kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ nói trên được áp dụng cho sinh viên từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo và công tác Học sinh sinh viên, Trưởng các Phòng chức năng, Chủ nhiệm các Khoa chuyên môn và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐBCL.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Quế Anh
Nguyễn Thị Quế Anh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: ỨNG DỤNG

NGÀNH: LUẬT

CHUYÊN NGÀNH: LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỐ TỤNG HÌNH SỰ

MÃ SỐ: 8380101.03

*(Ban hành theo Quyết định số 1284/QĐ-ĐHL, ngày 30 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

- + Tiếng Việt: Luật hình sự và tố tụng hình sự
- + Tiếng Anh: Criminal Law and Criminal Procedure Law

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8380101.03

- Tên ngành đào tạo:

- + Tiếng Việt: Luật
- + Tiếng Anh: Law

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

- + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Luật
- + Tiếng Anh: The Degree of Master in Law

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Luật hình sự & tổ tụng hình sự theo định hướng ứng dụng có mục tiêu đào tạo cán bộ là các nhà hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực tư pháp hình sự và các lĩnh vực khác liên quan; có kiến thức pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự hiện đại, chuyên sâu, tư duy pháp lý hệ thống, thuần thực kỹ năng chuyên môn và kỹ năng hỗ trợ để nhận diện và giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh từ thực tiễn công tác liên quan tới chuyên ngành đào tạo; có năng lực và phẩm chất phù hợp để thực hiện các hoạt động nghề nghiệp hiệu quả tại nhiều đơn vị sử dụng lao động khác nhau. Ngoài ra, chương trình còn cung cấp những nền tảng cần thiết về tư duy, kiến thức, kỹ năng để người học có thể tự học tập, nghiên cứu hoặc tiếp tục học lên ở các bậc học cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo hướng đến các mục tiêu cụ thể sau:

- Về kiến thức

+ Trang bị cho người học những kiến thức pháp lý hiện đại và chuyên sâu về pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự, đặc biệt là những kiến thức thực tiễn nhằm giúp người học có thể áp dụng pháp luật trong hoạt động chuyên môn.

+ Trang bị cho người học tư duy pháp lý hệ thống để tiếp cận và giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn phức tạp phát sinh trong lĩnh vực pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự.

+ Giúp người học có khả năng phân tích, tổng hợp, so sánh và đánh giá giữa các vấn đề lý thuyết và thực tiễn, giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài để đề xuất những kiến nghị, giải pháp có giá trị nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong thực tiễn.

- Về kỹ năng:

+ Giúp người học ứng dụng các kiến thức tiếp thu được vào hoạt động nghề nghiệp tại các cơ quan, đơn vị công tác và phát triển các kỹ năng, hoàn thiện các quy trình nghiệp vụ.

+ Trang bị cho người học những kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng bổ trợ cần thiết cho việc thực hành nghề luật, cung cấp dịch vụ pháp lý, tham gia vào quá trình xây dựng, hoàn thiện, phổ biến và giáo dục về pháp luật hình sự và tố tụng hình sự.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Giúp người học tự định hướng phát triển năng lực cá nhân phù hợp với nhu cầu công việc; phát huy các phẩm chất cá nhân và trí tuệ tập thể trong quá trình làm việc nhóm để xử lý những vấn đề thực tiễn; có khả năng tự học tập và nâng cao trình độ hoặc học lên ở các bậc cao hơn.

+ Giúp người học sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục phát triển và hoàn thiện các phẩm chất đạo đức cá nhân, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của người hành nghề luật trong lĩnh vực pháp luật nói chung và lĩnh vực tư pháp hình sự nói riêng.

3. Thông tin tuyển sinh

Thông tin tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Luật được ĐHQGHN phê duyệt.

3.1. Hình thức tuyển sinh: Áp dụng hình thức xét tuyển thẳng và xét tuyển

3.1.1. Xét tuyển thẳng: Thực hiện theo thông báo tuyển sinh hàng năm của Trường và quy định của ĐHQGHN.

3.1.2. Xét tuyển: Được tổ chức kết hợp giữa xét hồ sơ và phỏng vấn đối tượng tuyển sinh.

3.2. Đối tượng tuyển sinh:

3.2.1. Đối với hình thức xét tuyển thẳng

Thí sinh phải đáp ứng các điều kiện cụ thể theo thông báo tuyển sinh của Trường và quy định của ĐHQGHN.

3.2.2. Đối với hình thức xét tuyển

Thí sinh dự tuyển phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Về văn bằng

+ Có bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) ngành phù hợp với CTĐT thạc sĩ chuyên ngành Luật hình sự & tổ tụng hình sự, bao gồm ngành phù hợp không phải bổ sung kiến thức và ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức. Đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức, thí sinh phải hoàn thành các học phần bổ sung kiến thức của chương trình trước khi dự tuyển (Xem danh mục ngành phù hợp và các học phần bổ sung kiến thức của chương trình).

+ Thí sinh có văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT).

- Về ngoại ngữ

+ Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương, được minh chứng bởi các văn bằng, chứng chỉ phù hợp theo quy định của ĐHQGHN.

+ Đối với thí sinh là công dân nước ngoài, phải đạt trình độ tiếng Việt từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt;

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định của ĐHQGHN;

- Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường.

Lưu ý: Thí sinh là người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài được xét tuyển theo quy định riêng của Trường và của ĐHQGHN.

3. Danh mục ngành phù hợp và các học phần bổ sung kiến thức

- **Ngành phù hợp không phải bổ sung kiến thức:** Luật; Luật hiến pháp và luật hành chính; Luật dân sự và tổ tụng dân sự; Luật hình sự và tổ tụng hình sự; Luật kinh tế; Luật quốc tế; Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế.

- **Ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức:**

+ Nhóm 1: Một số ngành thuộc nhóm ngành “Quản trị - Quản lý” gồm: Khoa học quản lý; Quản lý công;

+ Nhóm 2: Một số ngành thuộc nhóm ngành “Khoa học chính trị”: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Quản lý nhà nước; Chính trị học;

+ Nhóm 3: Một số ngành thuộc nhóm ngành “Quản lý tài nguyên và môi trường”: Quản lý tài nguyên môi trường; Quản lý đất đai;

+ Nhóm 4: Một số ngành thuộc nhóm ngành “An ninh và trật tự xã hội”: Trinh sát an ninh; Trinh sát cảnh sát; Điều tra hình sự; Quản lý nhà nước về an ninh trật tự; Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp; Quản lý trật tự an toàn giao thông; Tình báo an ninh.

- Các học phần bổ sung kiến thức gồm:

| STT | Tên học phần | Số tín chỉ |
|----------------|--|-------------------|
| 1 | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật | 04 |
| 2 | Luật hiến pháp và luật hành chính | 04 |
| 3 | Luật hình sự và tổ tụng hình sự | 03 |
| 4 | Luật dân sự và tổ tụng dân sự | 04 |
| 5 | Luật thương mại | 03 |
| 6 | Công pháp quốc tế và tư pháp quốc tế | 03 |
| Tổng số | | 21 |

- Trường hợp thí sinh có bằng cử nhân các ngành đào tạo được cấp bởi các cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc bằng cử nhân được cấp bởi các cơ sở đào tạo trong nước nhưng là các ngành đào tạo thí điểm hoặc các ngành đào tạo mà tại thời điểm tuyển sinh đã không còn đào tạo hoặc đã thay đổi tên ngành thì tùy vào từng trường hợp, căn cứ vào bằng điểm của thí sinh, Trường sẽ xem xét và quyết định theo quy định hiện hành.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

- PLO1: Vận dụng thành thạo các kiến thức thuộc khối kiến thức chung, thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng cho việc tiếp thu các kiến thức cơ sở và chuyên ngành về pháp luật hình sự và tố tụng hình sự;

- PLO2: Vận dụng tổng hợp các kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành đào tạo, kiến thức thực tế thu nhận được từ hoạt động thực tập và tư duy pháp lý hệ thống để nhận biết và giải quyết các vấn đề pháp lý từ đơn giản đến phức tạp phát sinh từ thực tiễn công tác trong lĩnh vực pháp luật hình sự và tố tụng hình sự;

- PLO3: Đánh giá được ưu, nhược điểm, sự phù hợp, tính hiệu quả của các quy định pháp luật hình sự và tố tụng hình sự và các chính sách có liên quan trong quá trình áp dụng pháp luật (trên cơ sở việc phân tích, đối chiếu các quy định pháp luật hiện hành với thực tiễn thi hành, bối cảnh và các yếu tố tác động, so sánh với kinh nghiệm nước ngoài); từ đó kiến nghị, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật hình sự và tố tụng hình sự ở Việt Nam;

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- PLO4: Nhận diện đúng yêu cầu pháp lý trong các tình huống thực tiễn khác nhau, để trên cơ sở đó, xây dựng và lựa chọn giải pháp pháp lý thích hợp, xây dựng và thực hiện phương án, kế hoạch hành động nhằm giải quyết tốt các vấn đề phát sinh từ thực tiễn công tác;

- PLO5: Áp dụng đúng pháp luật và vận dụng hiệu quả tư duy pháp lý hệ thống, kinh nghiệm thực tế trong quá trình thực hiện các công việc chuyên môn và giải quyết những vấn đề pháp lý phức tạp trong lĩnh vực hình sự và tố tụng hình sự;

- PLO6: Tổng hợp kiến thức thực tế và rút ra những bài học kinh nghiệm cho bản thân trên cơ sở việc phân tích, đối sánh giữa kiến thức lý thuyết với thực tiễn trong quá trình áp dụng pháp luật;

- PLO7: Phản biện các vấn đề chuyên môn, chính sách, pháp luật của nhà nước và đề xuất giải pháp cho các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nhằm hoàn thiện chính sách, pháp luật trong lĩnh vực hình sự và tố tụng hình sự;

- PLO8: Tư vấn và cung cấp dịch vụ pháp lí cho các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực pháp luật hình sự và tố tụng hình sự;

- PLO9: Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến hiệu quả pháp luật hình sự và tố tụng hình sự cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân;

2.2. Kỹ năng hỗ trợ

- PLO10: Sử dụng thuần thục các phương pháp giao tiếp khác nhau; viết, thuyết trình hoặc tranh luận một cách hiệu quả trong quá trình thực hành nghề luật;

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- PLO11: Độc lập, sáng tạo trong nhận thức và áp dụng pháp luật; phát hiện những lỗ hổng pháp lí, những hạn chế, bất cập của pháp luật và đề xuất những giải pháp khả thi nhằm hoàn thiện pháp luật;

- PLO12: Hình thành năng lực lãnh đạo và phát huy trí tuệ tập thể trong quản lí và điều hành các hoạt động chuyên môn tại đơn vị công tác;

- PLO13: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ của người hành nghề luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự; có khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức đã học để đưa ra những kết luận chuyên môn chính xác, có căn cứ nhằm giải quyết tốt những yêu cầu của nhiệm vụ công tác;

- PLO14: Hình thành tư duy tích cực, chủ động sáng tạo, tự cân bằng và điều chỉnh áp lực trong cuộc sống để thích nghi với những môi trường làm việc phức tạp và luôn thay đổi; có thể tự định hướng phát triển năng lực cá nhân và cập nhật kiến thức mới phù hợp với yêu cầu công việc và cuộc sống;

- PLO15: Có ý thức thượng tôn pháp luật; chuẩn mực trong lời nói và hành động; thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp và khách hàng; chủ động, tự tin trong công việc;

- PLO16: Có ý thức bảo vệ công lí, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

- PLO17: Nhận thức đầy đủ về trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng và xã hội, với lợi ích quốc gia, dân tộc; nỗ lực hành động nhằm góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; chủ động đấu tranh với những hành vi thiếu đạo đức và vi phạm pháp luật trong môi trường công tác nói riêng và trong cuộc sống nói chung.

4. Vị trí làm việc mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự theo định hướng ứng dụng, học viên có thể sử dụng các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều cương vị công tác khác nhau như:

- *Nhóm 1*: Công tác tại các cơ quan quyền lực nhà nước, hành pháp, tư pháp, nội chính ở trung ương và địa phương; các cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong lĩnh vực quản lý nhà nước về an ninh quốc gia; trật tự, an toàn xã hội; các cơ quan, tổ chức có chức năng nhiệm vụ hoạch định, tư vấn, thực thi chính sách, pháp luật hình sự, thực hiện công tác phòng chống tội phạm, truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội, thi hành tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự.

- *Nhóm 2*: Hành nghề độc lập hoặc làm việc tại các tổ chức hành nghề luật như các công ty, văn phòng luật sư, phòng/văn phòng công chứng, văn phòng thừa phát lại, các thiết chế giám định tư pháp và định giá tài sản liên quan đến hoạt động giải quyết vụ án hình sự...; chuyên viên pháp chế/tư vấn pháp luật tại các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực pháp luật hình sự và tố tụng hình sự.

- *Nhóm 3*: Làm các công việc liên quan đến pháp luật trong các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế.

- *Nhóm 4*: Nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo về pháp luật và tư pháp (các trung tâm, viện nghiên cứu pháp luật và tư pháp; các trường đại học, cao đẳng...).

5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự theo định hướng ứng dụng, người học có khả năng tự học tập, tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, các khóa bổ sung kiến thức tích lũy điều kiện cần thiết để tiếp tục học ở những bậc đào tạo cao hơn.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu CTĐT

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 60 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung: 09 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 36 tín chỉ
 - + *Bắt buộc*: 24 tín chỉ
 - + *Tự chọn*: 12/29 tín chỉ
- Thực tập: 06 tín chỉ
- Học phần tốt nghiệp (Đề án): 09 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

| Số TT | Mã học phần | Học phần | Số TC | Số giờ tín chỉ | | | Mã số HP tiên quyết |
|-------|----------------------|---|-------|----------------|-----------|--------|---------------------|
| | | | | Lí thuyết | Thực hành | Tự học | |
| I | Khối kiến thức chung | | 09 | | | | |
| 1 | PHI5002 | Triết học <i>Philosophy</i> | 4 | 45 | 5 | 10 | |
| 2 | | Ngoại ngữ B2 (SĐH)* <i>Foreign Language B2</i> (Chọn một trong các thứ Tiếng sau) | 5 | 50 | 15 | 10 | |
| | ENG5001 | Tiếng Anh B2 <i>English B2</i> | 5 | 50 | 15 | 10 | |
| | RUS5001 | Tiếng Nga B2 <i>Russian B2</i> | 5 | 50 | 15 | 10 | |
| | CHI5001 | Tiếng Trung Quốc B2 <i>Chinese B2</i> | 5 | 50 | 15 | 10 | |
| | FRE5001 | Tiếng Pháp B2 <i>French B2</i> | 5 | 50 | 15 | 10 | |

| | | | | | | |
|-------------|---|-----------|----|----|----|--|
| WES5001 | Tiếng Đức B2 <i>German B2</i> | 5 | 50 | 15 | 10 | |
| OLC5001 | Tiếng Nhật Bản B2 <i>Japanese B2</i> | 5 | 50 | 15 | 10 | |
| KOR5001 | Tiếng Hàn Quốc B2 <i>Korean B2</i> | 5 | 50 | 15 | 10 | |
| THA5001 | Tiếng Thái Lan B2 <i>Thai B2</i> | 5 | 50 | 15 | 10 | |
| ARA5001 | Tiếng Ả Rập B2 <i>Arabic B2</i> | 5 | 50 | 15 | 10 | |
| II | Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 36 | | | | |
| II.1 | Các học phần bắt buộc | 24 | | | | |
| 3 | CRL6045 Chính sách pháp luật hình sự <i>Policies of Criminal Law</i> | 3 | 18 | 18 | 9 | |
| 4 | CRL6046 Chính sách pháp luật tố tụng hình sự <i>Policies of Criminal Procedure Law</i> | 3 | 18 | 18 | 9 | |
| 5 | CRL6047 Những vấn đề lý luận và thực tiễn về tội phạm <i>Theoretical and Practical Issues on Crime</i> | 3 | 18 | 18 | 9 | |
| 6 | CRL6048 Thực tiễn định tội danh, quyết định hình phạt và những vấn đề đặt ra <i>Practice of Determination of Offenses, Penalties and the Raised Issues</i> | 3 | 18 | 18 | 9 | |
| 7 | CRL6024 Quyền con người trong tư pháp hình sự | 2 | 18 | 6 | 6 | |

| | | | | | | | |
|--------------|-----------------------------|---|--------------|----|----|---|--|
| | | <i>Human Rights in Criminal Justice</i> | | | | | |
| 8 | CRL6049 | Trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự và miễn, giảm hình phạt <i>Criminal Liability, Exclusion of Criminal Liability, Exempt from Criminal Liability, Penalty and Remission of Penalty</i> | 3 | 18 | 18 | 9 | |
| 9 | CRL6025 | Chứng minh trong tố tụng hình sự <i>Proof in Criminal Proceedings</i> | 2 | 18 | 6 | 6 | |
| 10 | CRL6050 | Kỹ năng tranh tụng trong giải quyết vụ án hình sự <i>Litigation Skills in Solving Criminal Case</i> | 3 | 18 | 18 | 9 | |
| 11 | CRL6044 | Hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp tại Việt Nam <i>The Criminal Justice System in the Period of Judicial Reform and Building Rule of Law State in Vietnam</i> | 2 | 18 | 6 | 6 | |
| II.2. | Các học phần tự chọn | | 12/29 | | | | |
| 12 | CRL6027 | Những vấn đề chuyên sâu về Tội phạm học <i>The Intensive Issues of Criminology</i> | 2 | 18 | 6 | 6 | |
| 13 | CRL6031 | Các nguyên tắc của Luật hình sự Việt Nam | 2 | 12 | 12 | 6 | |

| | | | | | | | |
|----|---------|--|---|----|----|---|--|
| | | <i>The Principles of Vietnam Criminal Law</i> | | | | | |
| 14 | CRL6033 | Các nguyên tắc của Luật tố tụng hình sự Việt Nam <i>The Principles of Vietnam Criminal Procedure Law</i> | 2 | 12 | 12 | 6 | |
| 15 | CRL6035 | Các chủ thể của tố tụng hình sự <i>The Subjects of Criminal Proceedings</i> | 2 | 12 | 12 | 6 | |
| 16 | CRL6030 | Các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự <i>The Preventive Measures in Criminal Proceedings</i> | 2 | 12 | 12 | 6 | |
| 17 | CRL6053 | Xét xử vụ án hình sự <i>Adjudication of Criminal Case</i> | 2 | 12 | 12 | 6 | |
| 18 | CRL6036 | Kiểm soát xã hội đối với tội phạm <i>Social Control of Crime</i> | 2 | 12 | 12 | 6 | |
| 19 | CRL6042 | Những vấn đề lý luận và thực tiễn về khởi tố vụ án hình sự <i>Theoretical and Practical Issues on Initiating Criminal Proceedings</i> | 2 | 12 | 12 | 6 | |
| 20 | CRL6032 | Luật hình sự nước ngoài <i>Foreign Criminal Law</i> | 3 | 18 | 18 | 9 | |
| 21 | CRL6039 | Luật tố tụng hình sự nước ngoài <i>Foreign Criminal Procedure Law</i> | 3 | 18 | 18 | 9 | |
| 22 | CRL6055 | Pháp luật thi hành án hình sự và thi hành tạm giữ, tạm giam <i>Law on Enforcement of Criminal</i> | 3 | 18 | 18 | 9 | |

| | | | | | | |
|------------------|--|--|-----------|----|----|---|
| | | <i>Judgments and on Temporary Detention and Custody</i> | | | | |
| 23 | CRL6037 | Bảo vệ tự do và an ninh cá nhân bằng pháp luật hình sự Việt Nam <i>Protecting Individual Freedom and Security by Vietnam Criminal Law</i> | 2 | 12 | 12 | 6 |
| III | Thực tập | | 6 | | | |
| 24 | CRL6060 | Thực tập ^(**) <i>Internship</i> | 06 | | | |
| IV | Học phần tốt nghiệp (Đề án/đồ án) | | 9 | | | |
| 25 | CRL7201 | Đề án tốt nghiệp <i>Graduation project</i> | 9 | | | |
| Tổng cộng | | | 60 | | | |

Ghi chú:

- (*) Học phần Ngoại ngữ B2 (SDH) có số lượng 5 tín chỉ, được tính vào tổng số tín chỉ của CTĐT nhưng không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và trung bình chung học tập.

- (**) Học viên thực hiện học phần thực tập theo quy định của Nhà trường.

